

## THÀNH PHẦN SÂU HẠI HỒNG NGỌT NHẬP NỘI (FUYU VÀ JIRO) TẠI MỘT SỐ TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

LÊ QUANG KHẢI, LÊ ĐỨC KHÁNH, TRẦN THANH TOÀN

*Viện Bảo vệ thực vật,*

*Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*

**ROBERT NISSEN**

*Trung tâm Nghiên cứu Cây ăn quả Maroochy, Queensland, Australia*

**HÀ QUANG HÙNG**

*Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội*

Khí hậu miền Bắc Việt Nam khá đa dạng; nhiều vùng cao của một số tỉnh miền núi có mùa đông lạnh, mùa hè mát, rất thích hợp để phát triển cây ăn quả ôn đới với nhiều chủng loại như: Mận, mơ, hồng, đào, lê...

Các giống hồng ngọt (non-astringent variety) như Fuyu, Jiro nhập nội vào Việt Nam từ năm 2001, được xem như là những giống cây trồng mới có tiềm năng và ưu thế thương mại đối với Việt Nam, trong đó giống Fuyu được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận là giống tiến bộ kỹ thuật năm 2007 lấy tên là MC1.

Đối với các giống cây trồng mới được đưa vào Việt Nam, việc nghiên cứu sâu bệnh hại trên chúng là rất quan trọng, giúp người nông dân hiểu được những loài sâu bệnh hại có mặt trên loại cây trồng mới này để lựa chọn những biện pháp phòng chống có hiệu quả, an toàn.

Ở Việt Nam, các công trình nghiên cứu về thành phần sâu hại hồng cho đến nay còn ít và mới chỉ thực hiện trên một số giống hồng địa phương. Điều tra thành phần sâu hại trên giống hồng ngọt nhập nội (Fuyu và Jiro) sẽ góp phần phát triển giống hồng mới, chất lượng cao ở Việt Nam phục vụ tiêu dùng, hướng tới xuất khẩu nhằm cải thiện đời sống của người dân vùng miền núi phía Bắc.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Vật liệu là giống hồng ngọt nhập nội Fuyu và Jiro, các loài sâu hại.

Phương pháp điều tra thành phần sâu hại hồng được tiến hành theo Tiêu chuẩn Việt Nam năm 2002 và phương pháp nghiên cứu Bảo vệ thực vật (Viện Bảo vệ thực vật, 1997: Phương pháp điều tra cơ bản dịch hại nông nghiệp).

Điều tra tự do ngẫu nhiên và liên tục theo giai đoạn sinh trưởng của cây (15 ngày/lần). Điều tra trên các vườn hồng giống Fuyu và Jiro tại Sơn La, Hòa Bình, Lào Cai, Bắc Giang.

Thu thập tất cả các pha của các loài côn trùng phát hiện thấy trên cây hồng hoặc trong thân, cành, quả, cuốn trong lá... cho vào túi nilon hoặc hộp nhựa mang về phòng thí nghiệm, tiếp tục nuôi đến trưởng thành đối với các mẫu thu ở pha sâu non.

Vật mẫu thu thập bằng các phương pháp: Bắt bằng tay, vợt, thu mẫu bị hại (thân, lá, quả...), ghi đầy đủ các thông tin như tên cây trồng, tên giống, nơi thu thập, ngày thu, bộ phận bị hại...

Bảo quản mẫu vật được thực hiện theo phương pháp làm mẫu và bảo quản mẫu côn trùng-Phương pháp nghiên cứu Bảo vệ thực vật (Viện Bảo vệ thực vật, 1997: Phương pháp điều tra cơ bản dịch hại nông nghiệp).

Mẫu được định tên tại Viện Bảo vệ thực vật và Trung tâm Nghiên cứu Maroochy, Queensland, Cục Nông nghiệp và Ngư nghiệp, Australia theo các tài liệu phân loại và so với mẫu chuẩn Quốc gia tại Viện Bảo vệ thực vật, có sự giúp đỡ của GS.TS. Hà Quang Hùng, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Thành phần sâu hại trên hồng ngọt nhập nội ở một số tỉnh phía Bắc Việt Nam

Từ 2009 đến 2013 chúng tôi đã thu thập và xác định được 56 loài sâu hại gây hại trên hồng ngọt nhập nội Fuyu và Jiro tại một số tỉnh miền núi phía Bắc như Hòa Bình, Sơn La, Bắc Giang và Lào Cai (bảng 1).

Bảng 1

Thành phần sâu hại trên hồng ngọt nhập nội (Fuyu và Jiro)  
ở một số tỉnh phía Bắc Việt Nam (2009-2013)

TT	Tên khoa học	Họ	Địa điểm thu thập				Giống	
			Sơn La	Hòa Bình	Lào Cai	Bắc Giang	Fuyu	Jiro
<b>Bộ Cánh cứng (Coleoptera)</b>								
1	<i>Anoplophora glabripennis</i> Motschulsky, 1854	Cerambycidae		+			+	+
2	<i>Aristobia voeti</i> Thomson, 1894	Cerambycidae	+				+	+
3	<i>Erythrus formosanus</i> Bates, 1866	Cerambycidae				+	+	+
4	<i>Macrochenus isabellinus</i> Aurivillius, 1920	Cerambycidae		+			+	+
5	<i>Chlorophorus annularis</i> Fabricius, 1787	Cerambycidae		+			+	+
6	<i>Anoplophora chinensis</i> Forster, 1771	Cerambycidae		+			+	+
7	<i>Phytoscaphus gossypii</i> Chao	Curculionidae				+	+	+
8	<i>Phyllobius</i> sp.	Curculionidae	+	+			+	
9	<i>Hypomeces squamosus</i> Fabricius, 1792	Curculionidae	+	+	+	+	+	+
10	<i>Cyrtopistomus castaneus</i> Roelofs, 1873	Curculionidae			+		+	+
11	<i>Adoretus tenuimaculatus</i> Waterhouse, 1875	Scarabaeidae	+				+	
12	<i>Anomala cupripes</i> Hope	Scarabaeidae	+	+			+	
13	<i>Adoretus compressus</i> Weber, 1801	Scarabaeidae	+				+	+
14	<i>Maladera syriaca</i> Petrovitz, 1969	Scarabaeidae	+	+			+	+
15	<i>Apogonia</i> sp1.	Scarabaeidae	+	+			+	+
16	<i>Apogonia</i> sp2.	Scarabaeidae	+	+			+	+
17	<i>Anomala</i> sp.	Scarabaeidae	+				+	+
18	<i>Holotrichia</i> sp.	Scarabaeidae	+				+	+

## HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 5

TT	Tên khoa học	Họ	Địa điểm thu thập				Giống	
			Sơn La	Hòa Bình	Lào Cai	Bắc Giang	Fuyu	Jiro
19	<i>Autoserica</i> sp.1	Scarabaeidae	+				+	+
20	<i>Autoserica</i> sp.2	Scarabaeidae	+				+	+
21	<i>Colasposoma dauricum</i> Mannerheim, 1849	Chrysomelidae	+		+		+	+
22	<i>Sphaerodema testaceum</i> Fabricius, 1775	Chrysomelidae		+			+	+
23	<i>Aulacophora femoralis</i> Weise	Chrysomelidae	+				+	+
24	<i>Odontonychus lamottei</i> Girard	Elateridae		+			+	+
25	<i>Agriotes gallicus</i> Lacordaire, 1835	Elateridae		+			+	+
<b>Bộ Cánh nửa (Hemiptera)</b>								
26	<i>Cletus punctiger</i> Dallas, 1852	Coreidae	+	+	+		+	+
27	<i>Anoplocnemis phasiana</i> Fabricius, 1909	Coreidae		+			+	+
28	<i>Yemma exilis</i> Horvath, 1905	Coreidae		+			+	+
29	<i>Riptortus clavatus</i> Thunberg, 1783	Coreidae		+			+	+
30	<i>Acanthocoris sordidus</i> Thunberg	Coreidae		+			+	+
31	<i>Amorbus angustior</i> Westwood, 1842	Coreidae	+	+	+		+	+
32	<i>Anoplocnemis castanea</i> Dallas, 1852	Coreidae	+				+	+
33	<i>Homoeocerus</i> sp.	Coreidae	+				+	+
34	<i>Eysarcoris annamita</i> Breddin, 1913	Pentatomidae		+			+	+
35	<i>Erthesina fullo</i> Thunberg, 1783	Pentatomidae		+			+	
36	<i>Nezara viridula</i> Linnaeus, 1783	Pentatomidae	+	+			+	+
37	<i>Acanthosoma</i> sp.	Acanthosomatidae		+			+	+
38	<i>Scutellera</i> sp.	Scutelleridae			+		+	+
39	<i>Poecilocoris latus</i> Dallas,	Scutelleridae	+				+	+
40	<i>Leptocentrus orientalis</i> Schumacher, 1915	Membracidae			+		+	+
<b>Bộ Cánh đều (Homoptera)</b>								
41	<i>Planococcus citri</i> Risso	Pseudococcidae	+	+	+	+	+	+
42	<i>Pseudococcus longispinus</i> Targioni-Tozzetti	Pseudococcidae				+	+	+
43	<i>Lawana imitata</i> Melichar, 1902	Ricaniidae		+		+	+	+
44	<i>Ricania speculum</i> Walker, 1851	Ricaniidae	+	+			+	+
45	<i>Aleurocanthus spiniferus</i> Quaintance, 1903	Aleyrodidae	+	+			+	+
46	<i>Bemisia</i> sp.	Aleyrodidae	+	+			+	+
47	<i>Tettigoniella ferruginea</i> Fabricius, 1794	Jassidae		+			+	+

TT	Tên khoa học	Họ	Địa điểm thu thập				Giống	
			Sơn La	Hòa Bình	Lào Cai	Bắc Giang	Fuyu	Jiro
<b>Bộ Cánh phần (Lepidoptera)</b>								
48	<i>Hypocala subsatura</i> Guenee, 1852	Noctuidae	+	+	+	+	+	+
49	<i>Hypocala rostrata</i> Fabricius, 1794	Noctuidae	+	+	+	+	+	+
50	<i>Ophideres fullonica</i> Linnaeus, 1758	Noctuidae	+	+			+	+
51	<i>Ichneumenoptera</i> sp.	Sesiidae	+	+	+	+	+	+
52	<i>Zeuzera coffeae</i> Nietner, 1861	Cossidae	+	+			+	
53	<i>Hyphantria cunea</i> Drury, 1770	Arctiidae	+	+			+	
54	<i>Porthesia scintillans</i>	Lymantriidae	+	+			+	+
55	<i>Parasa pseudorapanda</i>	Limacodidae	+	+			+	+
<b>Bộ Hai cánh (Diptera)</b>								
56	<i>Bactrocera dorsalis</i> Hendel, 1912	Tephritidae	+	+			+	+

Trong số tất cả các loài thu thập được thì một số loài như 2 loài sâu ăn lá *Hypocala subsatura* và *Hypocala rostrata*, ngài cánh trong tiện vỏ *Ichneumenoptera* sp., rệp sáp *Planococcus citri* và loài cánh cứng *Hypomeces squamosus* xuất hiện và gây hại ở tất cả các điểm điều tra trên cả 2 giống hồng ngọt nhập nội Fuyu và Jiro.

## 2. Vị trí số lượng loài côn trùng gây hại trên hồng ngọt nhập nội

Tiến hành thu thập và xác định thành phần sâu hại hồng ngọt nhập nội từ năm 2009 tới nay tại một số tỉnh miền núi phía Bắc như Hòa Bình, Sơn La, Bắc Giang và Lào Cai cho thấy thành phần sâu hại hồng ngọt khá phong phú. Đã xác định được 56 loài sâu hại trên hồng ngọt nhập nội thuộc 21 họ, 5 bộ (bảng 2).

Bảng 2

### Số lượng loài côn trùng gây hại trên hồng ngọt nhập nội (Fuyu và Jiro) ở một số tỉnh phía Bắc Việt Nam (2009-2013)

TT	Bộ	Họ		Loài	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Cánh phần	6	28,6	8	14,3
2	Cánh cứng	5	23,8	25	44,6
3	Cánh đều	4	19	7	12,5
4	Hai cánh	1	4,8	1	1,8
5	Cánh nửa	5	23,8	15	26,8
<b>Tổng</b>		<b>21</b>	<b>100</b>	<b>56</b>	<b>100</b>

Các loài đã thu thập và xác định được tập trung nhiều nhất ở bộ Cánh cứng Coleoptera với 25 loài, chiếm 44,6% tổng số loài thu thập. Đứng thứ hai về số lượng loài đã thu thập là bộ Cánh nửa Hemiptera với 15 loài, chiếm 26,8% tổng số loài đã thu thập. Đứng tiếp theo là bộ

Cánh phấn, Cánh đều tương ứng với 8 và 7 loài chiếm 14,3% và 12,5% tổng số loài thu thập được. Ít nhất là bộ Hai cánh chỉ thu được 1 loài chiếm 1,8% tổng số loài thu thập được.

So sánh với các tài liệu khoa học đã công bố cho thấy tất cả các loài thu thập được đều xuất hiện và gây hại trên một số loại cây trồng khác nhau ở Việt Nam, tuy nhiên chưa có tài liệu nào công bố sự gây hại của chúng trên hồng ở Việt Nam.

### III. KẾT LUẬN

Kết quả điều tra thành phần sâu hại hồng ngọt nhập nội (Fuyu và Jiro) tại một số tỉnh phía Bắc là Hòa Bình, Sơn La, Bắc Giang và Lào Cai từ 2009 đến 2013 đã thu thập và xác định được 56 loài sâu thuộc 21 họ, 5 bộ thuộc lớp côn trùng gây hại. Trong đó có một số loài gây hại quan trọng và xuất hiện ở tất cả các điểm điều tra trên cả 2 giống hồng ngọt nhập nội là ngài cánh trong gặm vỏ *Ichneumenoptera* sp., sâu ăn lá *Hypocala subsatura*, *Hypocala rostrata*, bọ cánh cứng *Hypomeces squamosus* và rệp sáp mềm *Planoccocus citri*.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Lê Đức Khánh và cs.**, 2004. Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật tổng hợp để phát triển cây ăn quả ôn đới (mận, hồng, đào) chất lượng cao ở các tỉnh miền núi phía Bắc. ĐTDL, 2004-2006.
2. **Lê Đức Khánh và cs.**, 2010. Thành phần ruồi hại quả họ Tephritidae và ký chủ của chúng tại một số vùng sinh thái nông nghiệp ở Việt Nam, Tạp chí Bảo vệ thực vật số 3, 2010.
3. **Lê Đức Khánh, Hà Minh Trung**, 2006. Kỹ thuật trồng cây ăn quả ôn đới mận, hồng, đào. Hội Làm vườn Việt Nam.
4. **Viện Bảo vệ thực vật**, 1976. Kết quả điều tra côn trùng 1967-1968. NXB. Nông nghiệp.
5. **Viện Bảo vệ thực vật**, 1999. Kết quả điều tra côn trùng và bệnh hại cây ăn quả ở Việt Nam 1997-1998. NXB. Nông nghiệp.
6. **Viện Bảo vệ thực vật**, 1999. Phương pháp nghiên cứu bảo vệ thực vật. Tập 1: Phương pháp điều tra cơ bản dịch hại nông nghiệp và thiên địch của chúng. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
7. **Borror D. J., DeLong D. M. & Triplehorn C. A.**, 1976. An introduction to the study of insects. Sunders College Publishing, New-York

### A SURVEY ON SPECIES COMPOSITION OF INSECT PESTS DAMAGING NON-ASTRINGENT VARIETIES OF PERSIMMON (FUYU AND JIRO) IN SOME PROVINCES OF NORTHERN VIETNAM

LE QUANG KHAI, LE DUC KHANH,  
TRAN THANH TOAN, ROBERT NISSEN, HA QUANG HUNG

### SUMMARY

Our survey was conducted in four provinces, such as Hoa Binh, Son La, Bac Giang and Lao Cai of northern Vietnam in order to investigate the species composition of insect pests infested on non-astringent varieties of persimmon (Fuyu and Jiro). Fifty six insect pests belonging to 21 families and 5 orders were recorded on two persimmon varieties Fuyu and Jiro.

There are five species, such as clearwing moth *Ichneumenoptera* sp., leaf eating moth *Hypocala subsatura*, *Hypocala rostrata*, beetle *Hypomeces squamosus* and mealy bug *Planoccocus citri* appeared at all location surveyed and considered as the important pests for the two varieties of persimmon Fuyu and Jiro.